

Đạt được thỏa thuận tạm thời về việc bổ sung một năm cho Quy định EUDR

Ngày 3 tháng 12 năm 2024, Ủy ban Châu Âu đã thông báo về việc Nghị viện Châu Âu và Hội đồng Châu Âu đã đạt được thỏa thuận tạm thời về đề xuất của Ủy ban nhằm gia hạn thêm 12 tháng để thực hiện Quy định về phá rừng của EU (EUDR). Thỏa thuận tạm thời này vẫn cần được cả hai tổ chức xác nhận trước khi tiến hành thủ tục thông qua chính thức.

Việc hoãn lại này sẽ cho phép các nước thứ ba, các quốc gia thành viên, nhà điều hành và các doanh nghiệp có thêm thời gian để đảm bảo tuân thủ và thực hiện các quy tắc một cách phù hợp và hiệu quả hơn.

Sau khi được chính thức thông qua, luật sẽ có hiệu lực vào ngày 30 tháng 12 năm 2025 đối với các công ty lớn và ngày 30 tháng 6 năm 2026 đối với các doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ.

Đề xuất của Ủy ban về việc hoãn thời điểm ban hành Quy định trong một năm xuất phát từ phản hồi rất quan trọng từ các đối tác quốc tế lớn của Ủy ban, bao gồm Hoa Kỳ, các quốc gia thành viên và các công ty. Tất cả đều lo ngại về tình trạng chuẩn bị của họ vì không có đủ thời gian để chuẩn bị cho việc áp dụng các quy tắc mới phức tạp.

Quy định về phá rừng có hiệu lực vào ngày 30 tháng 6 năm 2023. Khi các quy tắc có hiệu lực, tất cả các công ty có liên quan sẽ phải thực hiện thẩm định nếu họ đưa vào thị trường EU hoặc xuất khẩu từ thị trường EU các sản phẩm dầu cọ, gia súc, đậu nành, cà phê, ca cao, gỗ và cao su cũng như một số sản phẩm có nguồn gốc từ chúng (như thịt bò, đồ nội thất hoặc sô cô la; các mặt hàng may mặc và phụ kiện quần áo (bao gồm găng tay, bao tay hở ngón và bao tay bao tay) làm bằng cao su; bao bì gỗ; đồ dùng trên bàn ăn và đồ dùng nhà bếp bằng gỗ; đồ nội thất bằng gỗ và các mặt hàng khác bằng gỗ; và đậu nành trong số các sản phẩm đậu nành khác).

Theo hệ thống đánh giá chuẩn của EUDR, Ủy ban dự kiến sẽ thông qua một đạo luật thực hiện phân loại tất cả các quốc gia thành rủi ro “thấp”, “tiêu chuẩn” hoặc “cao”. Một quốc gia (hoặc một phần của quốc gia đó) sẽ được coi là “rủi ro cao” nếu, sau một đánh giá khách quan và minh bạch có tính đến bằng chứng khoa học mới nhất và các nguồn được quốc tế công nhận, có rủi ro cao trong việc sản xuất các mặt hàng có liên quan không thoát khỏi tình trạng phá rừng tại quốc gia đó (hoặc một phần của quốc gia đó). Ngược lại, một quốc gia (hoặc một phần của quốc gia đó) sẽ được coi là “rủi ro thấp” nếu có đủ sự đảm bảo rằng các trường hợp sản xuất các mặt hàng có liên quan không thoát khỏi tình trạng phá rừng tại quốc gia đó (hoặc một phần của quốc gia đó) là trường hợp ngoại lệ. Tất cả các quốc gia khác (hoặc một phần của quốc gia đó) được coi là rủi ro tiêu chuẩn.

Mức độ rủi ro được phân bổ cho một quốc gia (hoặc một phần của quốc gia đó) sẽ tác động đến mức độ thực thi của các cơ quan có thẩm quyền của Châu Âu cũng như thẩm định thực tế mà các nhà điều hành và thương nhân yêu cầu. Nếu một sản phẩm đến từ một quốc gia có rủi ro cao, sản phẩm đó sẽ phải chịu sự giám sát chặt chẽ hơn từ các cơ quan có thẩm quyền. Ngược lại, nếu một sản phẩm đến từ một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ được Ủy ban coi là "rủi ro thấp", thì các nhà điều hành và thương nhân có thể được hưởng lợi từ cái gọi là "thẩm định thực tế đơn giản hóa". Khi thẩm định thực tế đơn giản hóa được áp dụng, các nhà điều hành và thương nhân được miễn thực hiện một số bước nhất định trong quy trình thẩm định thực tế. Tuy nhiên, họ vẫn phải thu thập một số thông tin, dữ liệu và tài liệu liên quan đến sản phẩm và hoàn thành tuyên bố thẩm định thực tế. Ngành công nghiệp lập luận rằng điều này vẫn gây khó khăn cho các công ty để tuân thủ, đặc biệt là các điều khoản yêu cầu dữ liệu định vị địa lý.

Với tính chất mới của EUDR, lịch trình quá gấp và sự đa dạng của các bên liên quan, việc gia hạn thêm 12 tháng để đưa hệ thống vào hoạt động được các tổ chức EU tin rằng là giải pháp cân bằng để hỗ trợ các bên trên toàn thế giới đảm bảo

việc triển khai sớm sẽ ngay từ đầu. Về mặt pháp lý, điều này cũng được coi là cần thiết để đảm bảo sự chắc chắn về cách thức tiến hành và đảm bảo việc triển khai thành công EUDR.

Ủy ban đặt mục tiêu hoàn thiện hệ thống đánh giá chuẩn mực quốc gia sớm nhất có thể, nhưng chậm nhất là vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, thông qua đối thoại với hầu hết các quốc gia quan tâm.

Nghị viện châu Âu và Hội đồng hiện sẽ phải chính thức thông qua sửa đổi mục tiêu của Quy định về phá rừng của EU. Sau đó, sửa đổi sẽ được công bố trên Công báo chính thức của EU và có hiệu lực.

Trong quá trình đưa hệ thống vào thực hiện, ngày 13/11/2024, Ủy ban châu Âu đã công bố tài liệu hướng dẫn Quy định về phá rừng của EU (EUDR). Các doanh nghiệp vui lòng vào link sau để biết về tài liệu hướng dẫn của Ủy ban về các sản phẩm không phá rừng: <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A52024XC06789&qid=1731687748447>

XUẤT KHẨU NÔNG SẢN CỦA VIỆT NAM SANG EU SẼ TUÂN THỦ EUDR TỪ 30/12/2025

Trong bảy nhóm mặt hàng nằm trong phạm vi kiểm soát của quy định này, Việt Nam có ba mặt, bao gồm: cà phê, gỗ và cao su. Các mặt hàng này khi xuất khẩu vào EU sẽ phải tuân thủ EUDR từ 30/12/2025. Ngay từ khi có thông báo vào năm 2023, các nhà sản xuất, doanh nghiệp và Chính phủ Việt Nam đã chủ động và tích cực chuẩn bị cho việc đáp ứng quy chuẩn EUDR của châu Âu. Sự chủ động, thích ứng nhanh chóng này cần tiếp tục phát huy mạnh mẽ hơn trong thời gian tới, nhằm bảo đảm việc chuẩn hóa ở mức cao nhất theo các tiêu chuẩn mới và sẵn sàng đáp ứng theo bất cứ kịch bản nào.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, EU là thị trường xuất khẩu chủ lực của cả 3 mặt hàng này của Việt Nam. Trong đó, EU là thị trường xuất khẩu

cà phê lớn nhất của Việt Nam trong 11 tháng năm 2024, chiếm 39,25% về lượng và 38,38% về trị giá trong tổng xuất khẩu mặt hàng của cả nước, đạt 477,86 nghìn tấn, trị giá 1,89 tỷ USD, giảm 8,2% về lượng, nhưng tăng 50,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Với mặt hàng cao su, EU là thị trường xuất khẩu lớn thứ 3 của Việt Nam trong 9 tháng năm 2024, sau Trung Quốc và Ấn Độ, đạt 73,2 nghìn tấn, trị giá 128,7 triệu USD, tăng 41,3% về lượng và tăng 74,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. EU là thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn thứ 5 của Việt Nam sang Hoa Kỳ, Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật bản, đạt 461,6 triệu USD trong 11 tháng năm 2024, tăng 27,2% so với cùng kỳ năm 2023.

Tại thị trường EU, khả năng cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam đã được nâng lên sau khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực, cho đến nay nhiều dòng thuế đã về 0%. Tuy nhiên, đây là thị trường có dung lượng lớn, nên thị phần các mặt hàng nông sản của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của EU vẫn ở mức thấp. Do đó, tiềm năng xuất khẩu nhiều mặt hàng của Việt Nam, trong đó có cà phê, cao su, gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang EU vẫn còn khả quan.

Theo số liệu thống kê của ITC, trong 8 tháng đầu năm 2024, kim ngạch nhập khẩu cà phê của EU từ thị trường ngoài khối đạt 9,9 tỷ USD, tăng 11,9% so với cùng kỳ năm 2023. Braxin, Việt Nam và Thụy Sĩ là các thị trường cung cấp cà phê lớn nhất cho EU. Trong đó, Việt Nam là thị trường cung cấp cà phê lớn thứ 2 cho EU trong số các thị trường ngoài khối, đạt 1,76 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2024, tăng 33% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, tỷ trọng nhập khẩu cà phê của EU từ Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2024 tăng lên 17,8% so với mức 15% trong 8 tháng đầu năm 2023. Trong 3 thị trường cung cấp chính, Việt Nam là thị trường cung cấp cà phê có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong 8 tháng đầu năm 2024. Từ đầu năm 2024 đến nay, các nhà nhập khẩu EU có xu hướng tăng nhập khẩu trước khi Quy định EUDR có hiệu lực. Tuy nhiên, sau khi EU tạm hoãn thực hiện EUDR thêm một năm, nhu cầu nhập khẩu cà phê của khu vực vào cuối năm 2024 sẽ không

tăng mạnh như trước và cung – cầu cà phê trên thị trường thế giới sẽ tạm thời ổn định trở lại.

Thị trường cung cấp cà phê cho EU trong 8 tháng đầu năm 2024

Thị trường	8 tháng năm 2024 (Nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2023 (%)	Tỷ trọng 8 tháng năm 2024 (%)	Tỷ trọng 8 tháng năm 2023 (%)
Tổng	9.918.315	11,9	100,0	100,0
Braxin	3.223.676	28,6	32,5	28,3
Việt Nam	1.761.648	33,0	17,8	15,0
Thụy Sĩ	1.182.583	2,4	11,9	13,0
Colombia	499.356	5,6	5,0	5,3
Ấn Độ	463.811	46,1	4,7	3,6
Uganda	376.177	1,8	3,8	4,2
Honduras	579.690	-14,0	5,8	7,6
Peru	278.986	31,5	2,8	2,4
Ethiopia	175.330	-17,4	1,8	2,4
Anh	283.904	-15,4	2,9	3,8
Nicaragua	106.870	-24,4	1,1	1,6
Guatemala	130.781	-14,9	1,3	1,7
Lithuania	100.867	57,3	1,0	0,7
Mexico	97.806	10,6	1,0	1,0
Kenya	75.074	-22,3	0,8	1,1
Indonesia	64.447	-50,9	0,6	1,5
Trung Quốc	39.644	37,4	0,4	0,3
PNG	76.365	-19,0	0,8	1,1
Tanzania	104.837	6,9	1,1	1,1
Costa Rica	43.388	-33,3	0,4	0,7

Nguồn: ITC

Việt Nam cũng là thị trường ngoài khối cung cấp đồ nội thất bằng gỗ lớn thứ 2 cho EU trong 8 tháng đầu năm 2024. Theo thống kê của ITC, trong 8 tháng đầu năm 2024, kim ngạch nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của EU từ thị trường ngoài khối đạt 4,7 tỷ USD, tăng 13,1% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, kim ngạch nhập khẩu từ Trung Quốc đạt 2,3 tỷ USD, tăng 30,1% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 48,9% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của EU; nhập khẩu từ Việt Nam đạt

375,4 triệu USD, tăng 8,1% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 8% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của thị trường.

Các thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ lớn tiếp theo cho EU trong 8 tháng đầu năm 2024 gồm: Ucraina, Indonesia, Ấn Độ...

Thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ cho EU trong 8 tháng đầu năm 2024

Thị trường	8 tháng năm 2024 (Nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2023 (%)	Tỷ trọng 8 tháng năm 2024 (%)	Tỷ trọng 8 tháng năm 2023 (%)
Ngoài EU	4.688.686	13,1	100,0	100,0
Trung Quốc	2.293.031	30,1	48,9	42,5
Việt Nam	375.424	8,1	8,0	8,4
Ukraine	259.708	14,2	5,5	5,5
Indonesia	225.481	-13,3	4,8	6,3
Ấn Độ	183.815	9,6	3,9	4,0
Serbia	176.496	9,3	3,8	3,9
Anh	150.643	-9,5	3,2	4,0
Bosnia and Herzegovina	190.394	-12,7	4,1	5,3
Malaysia	63.634	17,8	1,4	1,3
Thụy Sĩ	65.226	-3,0	1,4	1,6

Nguồn: ITC

Trong 8 tháng đầu năm 2024, nhập khẩu cao su của EU từ thị trường ngoài khối đạt 3,94 tỷ USD, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, thị trường cung cấp cao su cho EU rất đa dạng từ Mỹ, Côte d'Ivoire, Indonesia, Thái Lan, Nhật Bản...

Mặc dù là một trong những quốc gia sản xuất cao su tự nhiên lớn, nhưng Việt Nam chỉ là thị trường cung cấp cao su lớn thứ 12 cho EU với tỷ trọng chỉ chiếm 2% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của thị trường này. Nhìn chung, tuy không phải thị trường xuất khẩu dẫn đầu của toàn ngành cao su Việt Nam, EU vẫn là khách hàng quan trọng đối với các nhóm ngành cao su tự nhiên. EU cũng là thị

trường tiềm năng, có sức mua cao và còn nhiều dư địa. Do đó, để khai thác hiệu quả thị trường nhiều tiềm năng này, các doanh nghiệp cần chú ý để đáp ứng Quy định EUDR của EU trong thời gian tới.

Thị trường cung cấp cao su cho EU trong 8 tháng năm 2024

Thị trường	8 tháng năm 2024 (Nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2023 (%)	Tỷ trọng 8 tháng năm 2024 (%)	Tỷ trọng 8 tháng năm 2023 (%)
<i>Ngoài EU</i>	3.938.417	3,9	100,0	100,0
Mỹ	653.220	13,6	16,6	15,2
Côte d'Ivoire	464.022	44,3	11,8	8,5
Thái Lan	455.019	15,1	11,6	10,4
Indonesia	359.730	-10,7	9,1	10,6
Nhật Bản	297.162	-6,8	7,5	8,4
Hàn Quốc	243.584	-1,1	6,2	6,5
Anh	320.749	12,1	8,1	7,5
Trung Quốc	183.041	4,3	4,6	4,6
Malaysia	153.204	-0,9	3,9	4,1
Ả Rập Saudi	103.741	-30,0	2,6	3,9
Đài Loan	87.868	-10,4	2,2	2,6
Việt Nam	77.535	10,0	2,0	1,9
Singapore	57.802	-6,5	1,5	1,6
Liberia	28.301	6,7	0,7	0,7
Canada	45.422	42,5	1,2	0,8

Nguồn: ITC

Lê Mai Thanh (VITIC) thực hiện